

Vít tự khoan dùng liên kết vật liệu lợp mái vào xà gỗ gỗ/thép

Đường kính danh nghĩa	Ø4.2 mm
Độ dài	L 65 (+3) mm
Đầu	LP™ (rãnh chìm) đầu với rãnh chéo
Vật liệu	Thép cacbon (C1016 - C1022)
Đầu mũi khoan	#2S
Khả năng khoan	Tối đa 3.0 mm (thép 280GD)
Đệm	Ø16mm M- đệm bằng nhôm mạ nhựa cứng EPDM
Xử lý bề mặt	Mạ điện, mạ chrom dày 7 µm
Loại vật liệu sử dụng	2 (acc. EN 1995-1-1)
Tiêu chuẩn mài mòn	C2 (acc. EN ISO 12944-6)

Thông số kỹ thuật

KHẢ NĂNG CHỊU TẢI

Khả năng chịu tải được tính toán phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành. Khả năng chịu kéo của kết nối là giá trị nhỏ nhất của các giá trị kéo ra và khả năng chịu kéo của vít. Khả năng chịu kéo qua đầu vít không được tính đến.

Các giá trị lý thuyết này phải được coi là chỉ dẫn vì các điều kiện của xây dựng mỗi nơi có thể khác nhau. Các thử nghiệm thực tế dựa trên điều kiện sử dụng cụ thể được khuyến nghị để xác minh các giá trị được liệt kê.

GIẢ ĐỊNH

Vật hỗ trợ: Thép S280GD - EN 10346

Vật hỗ trợ: Kết cấu gỗ C24 ($\rho_k = 350\text{kg/m}^3$)

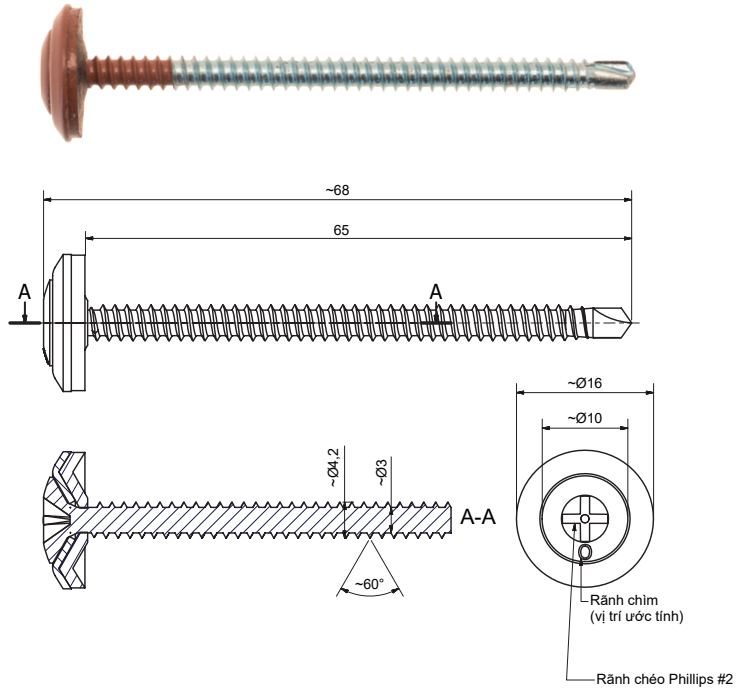
Vật cố định: Tấm lợp

L_g = Thiết lập độ sâu của vật hỗ trợ [mm]

F_{Rd} = Lực trở kháng thiết kế [kN]

Giá trị tính bằng kN (1kN \approx 100kg)

Hệ số an toàn: $\gamma_M = 1.35, k_{mod} = 0.90$



KHẢ NĂNG CHỊU LỰC KHI KHOAN THÉP

L_g	1,0	1,5	2,0	2,5	3,0
F_{Rd}	0,50	1,09	1,46	1,82	2,18

KHẢ NĂNG CHỊU LỰC KHI KHOAN GỖ

L_g	20,0	25,0	30,0	35,0
F_{Rd}	1,10	1,34	1,58	1,82

Self drilling screw for fastening of roofing sheet to steel/wood

Nominal diameter	Ø4.2 mm
Length	L 65 (+3) mm
Head	LP™ (low profile) head with Phillips drive
Material	Carbon steel (C1016 - C1022)
Drill point	#2S
Drill capacity	Max. 3.0 mm (steel 280GD)
Washer	Ø16mm M-washer in aluminium vulcanized EPDM rubber
Surface treatment	Electroplated, 7 µm zink with blue chrome passivation
Service class	2 (acc. EN 1995-1-1)
Corrosion category	C2 (acc. EN ISO 12944-6)

Technical characteristics

CARRYING CAPACITY

The carrying capacity is calculated in accordance to the current standards. The tensile capacity for the connection are the minimum values of the pullout values and the tensile resistance of the screw. The head pull-through resistances is not taken into account.

These theoretical values must be considered indicative since the conditions of the construction site may vary. Practical tests of the specific application are recommended for verification of the listed values.

ASSUMPTIONS

Supporting object: Steel S280GD - EN 10346

Supporting object: Structural timber, C24 ($\rho_k=350\text{kg/m}^3$)

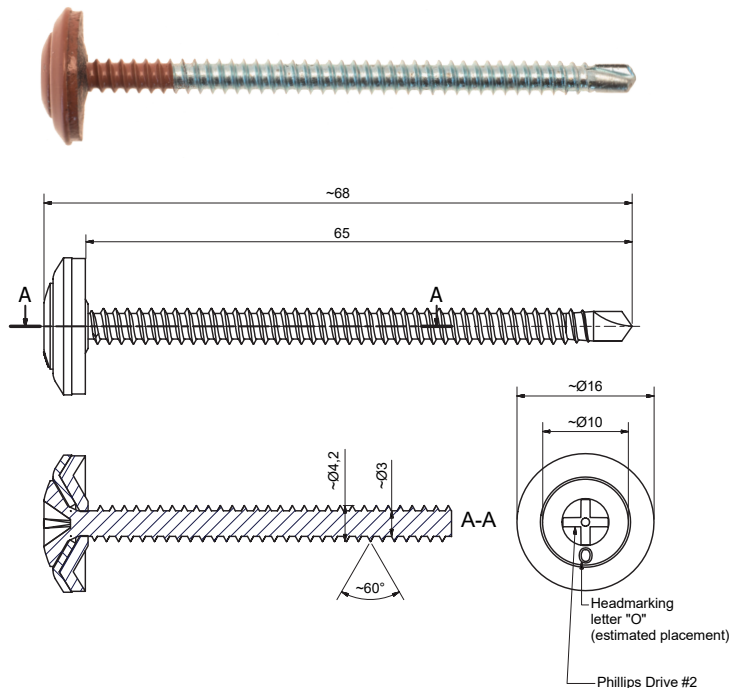
Fixed object: Roofing sheet

L_g = Setting depth of in the supporting object [mm]

F_{Rd} = Design resistance [kN]

The values are in kN (1kN \approx 100kg)

Safety factor: $\gamma_M = 1.35$, $k_{mod}=0.90$



TENSILE CAPACITY IN STEEL

L_g	1,0	1,5	2,0	2,5	3,0
F_{Rd}	0,50	1,09	1,46	1,82	2,18

TENSILE CAPACITY IN WOOD

L_g	20,0	25,0	30,0	35,0
F_{Rd}	1,10	1,34	1,58	1,82